

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DS-PT

Ngày 10-3-2025

V/v Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ
của người đã chết và tranh chấp di sản
thừa kế

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán: Ông Cao Xuân Long

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ của người đã chết và tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 24/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 52/2025/QĐ-TA ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Cháu Phạm Vũ Đức T, sinh ngày 22-01-2014 (vắng mặt).

2. Cháu Phạm Vũ Khánh N, sinh ngày 21-9-2015 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu T và cháu N:

Bà Nguyễn Vũ Phương D, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: B ấp P, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Bà Nguyễn Vũ Phương D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: B ấp P, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của cháu T, cháu N và bà D:

Ông Đặng Thái H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: E đường A, khu nhà ở H, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền ngày 02-12-2022 và Giấy ủy quyền ngày 05-8-2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị Kim M, sinh năm 1955.

Địa chỉ: F P, tổ E, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Phùng Nguyễn L, sinh năm 1976.

Thường trú: Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: 2 P, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 21-11-2022 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trương Thị Mỹ H1, sinh năm 1986.

Thường trú: 621 C, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: B Chung cư B, H Đường số C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Công D1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: B ấp P, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Xuân V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

Bà Nguyễn Vũ Phương D – Người đại diện theo pháp luật của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T và Phạm Vũ Khánh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phạm Hà B Chí chết ngày 19-3-2022 không để lại di chúc. Bà D và ông C1 kết hôn năm 2011 và đã ly hôn theo Quyết định số 177/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà D và ông C1 có 02 con là Phạm Vũ Đức T sinh năm 2014 và Phạm Vũ Khánh N sinh năm 2015, hiện hai cháu do bà D chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông C1 có cha là ông Phạm Văn B1, sinh năm 1950, chết ngày 03-4-2014 và mẹ là bà Hà Thị Kim M, sinh năm 1955. Ông C1 không có cha, mẹ nuôi, con nuôi, con riêng theo quy định của pháp luật. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản theo pháp luật của ông C1 gồm: Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N, bà Hà Thị Kim M. Khi chết ông C1 để lại các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 52, tờ bản đồ số 81, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận số BH 980555 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 28-3-2012.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 480, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận số CO 798973 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 423, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận số CO 798972 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018.

- Số tiền 1.200.000.000 đồng của ông Chí C tại trường THCS P trước khi chết. Trường THCS P đã bàn giao lại cho bà Hà Thị Kim M theo biên nhận vào ngày 23-3-2022.

- Khoản tiền trợ cấp tử tuất và bảo hiểm xã hội chưa thanh toán khoảng 320.000.000 đồng, hiện đang được cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L (nay là huyện L1) giữ chờ thân nhân của ông C1 đến giải quyết.

Nay cháu T, cháu N do bà D đại diện hợp pháp và bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông C1 để lại là: 127 tháng cấp dưỡng cho hai con là cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N (từ tháng 02-2022 đến tháng 09-2033) x 9.000.000 đồng/tháng = 1.143.000.000 đồng, theo Quyết định số 177/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, trong phần di sản được hưởng của ông C1.

2. Tuyên các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 1.400.000.000 đồng, theo giấy Cam kết ngày 19-3-2020 của ông Phạm Hà Bảo C1.

3. Chia phần di sản còn lại của ông C1 đã nêu trên sau khi đã trừ đi nghĩa vụ tại phần 1 và 2 theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N, bà Hà Thị Kim M.

Căn cứ cho các yêu cầu khởi kiện trên như sau:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 177/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29-7-2019, ông C1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng, mỗi tháng là 9.000.000 đồng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08-2019. Ông C1 đã cấp dưỡng cho 02 con từ tháng 08-2019 đến tháng 01-2022. Từ tháng 02-2022 cho đến nay do ông Chí O và chết vào tháng 03-2022 nên việc cấp dưỡng không thực hiện được.

Sau khi ông Chí C2, nhiều lần bà D đã thay mặt 02 cháu đề thương lượng thỏa thuận với bà Hà Thị Kim M (mẹ ông C1) về nghĩa vụ cấp dưỡng với hai con và phân chia di sản của ông C1 để lại nhưng hai bên không đạt được thỏa thuận.

Căn cứ khoản 1 Điều 615, khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩa vụ cấp dưỡng của ông C1 cho

hai cháu Đức T và Khánh Nghi theo Quyết định số 177/2019/QĐST-HNGĐ là nghĩa vụ của ông C1 đối với hai cháu khi còn sống. Việc trích một phần trong khối di sản của ông C1 để lại là để thực hiện nốt phần nghĩa vụ cấp dưỡng còn thiếu của ông C1, hoàn toàn không phải chuyển giao nghĩa vụ cấp dưỡng của ông C1 cho người khác.

Đối với yêu cầu buộc các đồng thừa kế của ông C1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 1.400.000.000 đồng, theo giấy Cam kết ngày 19-3-2020 của ông Phạm Hà Bảo C1:

Năm 2019, bà D và ông C1 có chung tiền mua đất, trong đó bà D góp 700.000.000 đồng. Sau đó, ông C1 mua thửa đất 775, tờ bản đồ số 24, xã T, huyện L (nay là huyện L1) diện tích 570,9m². Thửa đất này sau đó ông C1 nhờ bạn là ông Trần Công D1 đứng tên. Ngày 19-3-2020, ông C1 làm Giấy cam kết với nội dung bà D và ông C1 có mua chung một miếng đất, bà D góp vốn 700.000.000 đồng. Thời điểm đó ông C1 đang rao bán lô đất trên và ông C1 cam kết khi bán xong sẽ trả lại bà D số tiền 1.400.000.000 đồng. Ngày 27-12-2021, ông C1 chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Lê Thị Xuân V với giá 3.550.000.000 đồng nhưng chưa trả bà D số tiền 1.400.000.000 đồng như đã cam kết.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc bị đơn đã trả nợ thay ông Phạm Hà Bảo C1 cho bà Trương Thị Mỹ H1 số tiền 1.150.000.000 đồng: Bà D không đồng ý yêu cầu này. Lý do là không có bất kỳ chứng cứ nào về việc ông C1 nợ bà H1 số tiền trên. Bị đơn không cung cấp được giấy vay tiền cũng như bản ghi âm nào thể hiện ông C1 vay bà H1 số tiền trên.

Đối với yêu cầu chia khoản tiền trợ cấp tử tuất và bảo hiểm xã hội chưa thanh toán, tổng số tiền khoảng 320.000.000 đồng: Số tiền này hiện đang được cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện L (nay là huyện L1) giữ và các bên đã thỏa thuận được nên cháu T, cháu N rút lại yêu cầu này.

Đối với việc chia 3 thửa đất ở thị trấn L và xã T: Sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ của ông C1 để lại, nguyên đơn cháu T, cháu N do bà D là đại diện hợp pháp đồng ý nhận chung thửa đất ở thị trấn L và để cho bà Hà Thị Kim M nhận hai thửa đất liền kề ở xã T và thanh toán lại phần chênh lệch cho nhau nếu có.

Bà D đại diện cho cháu T, cháu N thống nhất với Sơ đồ vị trí do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường tỉnh B lập. Đối với phần đất chồng lấn các hộ giáp ranh thửa 480 và 423, tờ bản đồ số 5, xã T, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D tự nguyện thanh toán thay cho cháu T và cháu N các phần nghĩa vụ của cháu T, cháu N; phần tiền chênh lệch cho bà M và các khoản chi phí tố tụng khác của hai cháu nếu có.

Bị đơn bà Hà Thị Kim M và đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Phùng Nguyễn L trình bày:

Bà M đồng ý với trình bày của đại diện nguyên đơn về thời điểm chết của ông Phạm Hà Bảo C1, về hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 và các di sản của ông C1 để lại, ông Chí C2 không để lại di chúc. Tuy nhiên bà M không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về các yêu cầu sau:

Đối với nghĩa vụ tài sản do ông C1 để lại là cấp dưỡng cho hai cháu với tổng số tiền là 127 tháng x 9.000.000 đồng = 1.143.000.000 đồng theo Quyết định số 177/2019/QĐST-HNGD ngày 29-7-2019 thì bà M không đồng ý.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 107 và khoản 4 Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, ông C1 đã chết nên nghĩa vụ cấp dưỡng của ông C1 đối với cháu Phạm Vũ Đức T và cháu Phạm Vũ Khánh N cũng chấm dứt theo quy định pháp luật. Vì vậy, những người thừa kế của ông C1 không phải thực hiện phân nghĩa vụ cấp dưỡng này khi nhận di sản thừa kế.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà D buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 1.400.000.000đ theo giấy cam kết ngày 19-3-2020. Bà M không đồng ý vì lý do: Đối với các giấy chuyển tiền qua ngân hàng mà bà D cung cấp thì có 2 giấy chuyển tiền vào tháng 06-2019, là thời điểm sắp ly hôn nhưng tại sao bà D và ông C1 lại góp tiền mua đất chung? Trong nội dung chuyển tiền không ghi rõ lý do chuyển tiền là tiền gì? Có thể đây là tiền bà D nợ ông C1 và gửi trả lại ông C1. Đối với Giấy cam kết ngày 19-3-2020, nội dung không ghi rõ mua chung miếng đất nào, ở đâu, khi nào bán, không rõ miếng đất này đã bán chưa, bán được bao nhiêu, khi nào trả lại tiền, đã trả tiền chưa. Giấy này ông C1 ký sau ngày ly hôn, không có người làm chứng theo bà M là không có cơ sở pháp lý.

Đồng thời bà M có yêu cầu phản tố, yêu cầu trừ đi phần bà M trả nợ cho bà Trương Thị Mỹ H1 thay cho ông C1 số tiền 1.150.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 1.200.000.000 đồng do trường THCS P bàn giao lại, ngày 24-6-2023 bà M đã trả cho bà Trương Thị Mỹ H1 số tiền 1.150.000.000 đồng là khoản nợ của ông C1 vay bà H1 ngày 10-5-2021. Việc giao nhận tiền giữa bà M và bà H1 được lập văn bản công chứng số 4117, quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24-6-2024 tại Văn phòng C3.

Sau khi trừ đi số tiền bà M đã trả nợ cho bà H1, bà M đồng ý chia các tài sản còn lại của ông C1 làm 3 phần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 gồm bà Hà Thị Kim M, cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N.

Bà M đề nghị được nhận hai thửa đất ở xã T và thanh toán lại phần chênh lệch cho hai cháu nếu có. Bà M thống nhất với Sơ đồ vị trí do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên Môi trường tỉnh B lập. Đối với phần đất chồng lấn các hộ giáp ranh thửa 480 và 423, tờ bản đồ số 5, xã T, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ H1 trình bày:

Bà H1 là cháu ruột của bà Hà Thị Kim M, gọi bà M bằng dì. Ngày 10-5-2021, bà H1 có cho ông Phạm Hà Bảo Chí C1 vay số tiền 1.150.000.000 đồng, có lập giấy tay, có bà M làm chứng. Ông C1 nói vay tiền để làm ăn, vay thời hạn 1 năm và không có lãi suất. Do ông C1 và bà H1 là anh em họ và có bà M là dì nói giúp nên bà H1 tin tưởng cho ông C1 vay. Nguồn tiền cho vay là tiền riêng của bà H1. Bà H1 giao tiền cho ông C1 làm 2 lần: Ngày ký giấy vay là ngày 10-5-2021 giao 500.000.000 tiền mặt là tiền bà H1 hiện đang có, khoảng 1 tuần sau thì bà H1 gặp ông C1 và giao 650.000.000 đồng còn lại, là tiền do bà H1 đi đổi khoảng

10.000 USD ra tiền Việt được khoảng 231.000.000 đồng và khoảng 419.000.000 đồng bà H1 gom ở nhiều nguồn.

Sau khi ông Chí C2, bà M cũng muốn mọi việc cho rõ ràng không ảnh hưởng kiện tụng về sau nên bà H1 và bà M đã cùng thống nhất ra văn phòng công chứng trả nợ và lập văn bản về việc trả nợ. Giấy mượn nợ viết tay đã hủy tại phòng công chứng. Do bà M đã trả nợ thay cho ông C1 nên bà H1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người làm chứng ông Trần Công D1 trình bày:

Ông D1 là bạn thân của ông C1. Khi ông C1 còn sống có nói với ông D1 về việc bà D cùng ông C1 góp tiền mua chung diện tích đất 570,9m² thuộc thửa đất 775, tờ bản đồ số 24, xã T, huyện L và nhờ ông D1 đứng tên. Sau đó ông Trần Công D1 sang tên lại cho ông C1 theo yêu cầu của ông C1 và tìm người mua đất giùm ông C1. Khi sang tên ông C1 thì ông C1 tiếp tục sang tên cho bà N1 đứng tên giùm. Khi ông D1 tìm được người mua đất là bà V thì ông C1 trực tiếp giao dịch ký hợp đồng đặt cọc và nhận tiền cọc lần đầu tiên của bà V tại nhà ông D1. Ông D1 khẳng định thửa đất 775, tờ bản đồ số 24, xã T là của ông C1 và bà D góp tiền mua chung và ông C1 đã trực tiếp chuyển nhượng cho bà V diện tích đất trên với số tiền 3.550.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Lê Thị Xuân V trình bày:

Khoảng tháng 11-2021, bà V có mua lô đất diện tích 570,9m² thuộc thửa đất 775, tờ bản đồ số 24, xã T, huyện L. Người môi giới dẫn bà V đi xem đất rồi dẫn qua nhà ông D1 nói là ông D1 bán. Khi bà V qua nhà ông D1 thì thấy ông C1 ở đó và ông D1 nói đất này là của ông C1, ông D1 chỉ là người kêu bán giúp cho ông C1. Sau khi thỏa thuận giá cả, bà V đồng ý mua với giá 3.550.000.000 đồng. Bà V đặt cọc trước 300.000.000 đồng vào chiều cùng ngày. Hai bên có viết giấy đặt cọc, bà V và ông C1 cam kết vào ngày 27-12-2021 sẽ đưa thêm số tiền 700.000.000 đồng.

Ngày 27-12-2021, hai bên ký lại giấy đặt cọc khác tại nhà bà V và ông C1 nhận thêm số tiền 700.000.000 đồng, có bà N1 đi cùng ông C1. Số tiền còn lại 2.550.000.000 đồng giao vào ngày công chứng làm hợp đồng ủy quyền cho bà V là ngày 28-02-2022. Khi bà V tới phòng công chứng, ông C1 đưa sổ đỏ cho bà V cầm vào để đưa đánh máy thì bà V thấy tên của bà N1 trên giấy. Bà V có hỏi sao đất ông C1 mà bà N1 đứng tên thì ông C1 có nói đất này của ông C1 nhưng nhờ bà N1 đứng tên giùm. Bà V có điện thoại hỏi ông D1 thì ông D1 cũng nói đất của ông C1 và bà N1 chỉ đứng tên giùm thôi. Nên bà V đồng ý làm hợp đồng để nhận lô đất này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L(nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N về việc chia số tiền trợ cấp Tử tuất và Bảo hiểm xã hội chưa thanh toán của ông C1 khoảng 320.000.000u đồng.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Phạm Hà Bảo C1 là ngày 19-3-2022.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Hà Bảo C1 bao gồm: Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N, bà Hà Thị Kim M.

4. Xác định di sản thừa kế của ông Phạm Hà Bảo C1 để lại là:

- Số tiền 1.200.000.000 đồng do Trường THCS P bàn giao lại cho bà Hà Thị Kim M theo biên nhận ngày 23-3-2022.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 81, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu diện tích 917,8m², theo Giấy chứng nhận số BH 980555 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 28-3-2012 đứng tên ông Phạm Hà Bảo C1 có giá trị 7.550.506.345 đồng.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 480, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu diện tích 128m², theo Giấy chứng nhận số CO 798973 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 và thửa 423, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu diện tích 301m², theo Giấy chứng nhận số CO 798972 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 đứng tên ông Phạm Hà Bảo C1 có giá trị 3.152.864.128 đồng.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp. Buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 là cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N, bà Hà Thị Kim M có trách nhiệm liên đới thanh toán 01 tháng cấp dưỡng còn thiếu (tháng 02-2022) số tiền 9.000.000 đồng cho cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp.

Do cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N là người thụ hưởng nên không phải thanh toán. Bà Hà Thị Kim M phải thanh toán cho cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp số tiền 3.000.000 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp về việc buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 là cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N, bà Hà Thị Kim M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của ông C1 để lại số tiền 1.134.000.000 đồng.

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Phương D. Buộc các đồng thừa kế của ông C1 là cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp, bà Hà Thị Kim M phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 1.400.00.000 đồng. Trong đó, mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 466.666.000 đồng.

8. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hà Thị Kim M, trừ đi số tiền 1.150.000.000 đồng (trong số tiền 1.200.000.000 đồng) của ông C1 để lại theo

biên nhận ngày 23-3-2022 tại trường THCS P mà bà M đã trả nợ cho bà Trương Thị Mỹ H1 thay cho ông Phạm Hà Bảo C1.

9. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp đối với bị đơn bà Hà Thị Kim M về việc “Chia di sản thừa kế”.

9.1. Cháu Phạm Vũ Đức T và cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 81, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu diện tích 917,8m² theo Giấy chứng nhận số BH 980555 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 28-3-2012 có giá trị 7.550.506.345 đồng. Giao quyền sử dụng đất này cho bà Nguyễn Vũ Phương D quản lý cho đến khi cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N đủ 18 tuổi.

9.2. Bà Hà Thị Kim M được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 480, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận số CO 798973 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 và Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu diện tích 301m² theo Giấy chứng nhận số CO 798972 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 có tổng giá trị là 3.152.864.128 đồng.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

9.3. Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp phải liên đới thanh toán lại phần chênh lệch cho bà Hà Thị Kim M số tiền 381.592.696 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Vũ Phương D thanh toán phần chênh lệch cho bà Hà Thị Kim M thay cho cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N số tiền 381.592.696 đồng.

10. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp với bị đơn bà Hà Thị Kim M về việc “Chia di sản thừa kế” đối với số tiền 1.150.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N và người đại diện theo pháp luật của cháu T, cháu N là bà Nguyễn Vũ Phương D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc trừ số tiền 1.150.000.000 đồng mà bà M đã trả cho bà Trương Thị Mỹ H1 thay cho ông Phạm Hà Bảo C1 vào số tiền 1.200.000.000 đồng ông C1 đề lại; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ

cấp dưỡng của ông C1 đối với cháu T, cháu N trong khối di sản mà bà M, cháu T, cháu N được nhận thừa kế từ ông C1 với số tiền 1.134.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các nguyên đơn (do ông Đặng Thái H đại diện) giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nhưng xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu N với tổng số tiền 1.134.000.000 đồng. Đối với yêu cầu kháng cáo còn lại thì nguyên đơn giữ nguyên.

Bị đơn (do ông Phùng Nguyễn L đại diện) giữ nguyên yêu cầu phản tố và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ H1 giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm, xác nhận bà có cho ông Phạm Hà Bảo C1 vay số tiền 1.150.000.000 đồng vào ngày 10-5-2021, giao tiền 02 lần tại nhà bà. Khi cho vay, hai bên có làm giấy vay tiền nhưng sau khi bà M trả đủ số tiền trên cho bà H1 thì bà H1 đã hủy giấy vay tiền này. Bà H1 cũng xác nhận đã được bà Hà Thị Kim M giao trả số tiền 1.150.000.000 đồng vào ngày 24-6-2024 tại Văn phòng C3, có lập giấy trả tiền. Bà H1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn cháu T và cháu N (do bà D đại diện) nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo mà nguyên đơn đã rút. Đối với yêu cầu kháng cáo còn lại, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền 1.150.000.000 đồng bà M đang quản lý cho 3 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 là bà M, cháu T và cháu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T và Phạm Vũ Khánh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có người đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu N với tổng số tiền 1.134.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo này.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T và Phạm Vũ Khánh N về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền 1.150.000.000 đồng mà bị đơn đã trả cho bà Trương Thị Mỹ H1:*

[2.1] Theo các nguyên đơn, việc bị đơn bà M tự ý thực hiện việc trả nợ cho bà Trương Thị Mỹ H1 số tiền 1.150.000.000 đồng thay cho ông C1 là việc riêng giữa bà M và bà H1, không liên quan đến các nguyên đơn. Vì khi ông C1 còn sống, ông C1 chưa bao giờ nói cho bà D biết về việc có vay tiền của bà H1. Bà H1 cũng không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh việc ông C1 có vay bà H1 số tiền trên. Sau khi ông Chí C2, bản thân bà H1 cũng chưa từng đề cập đến số nợ trên với bà D – là người đại diện theo pháp luật của các con ông C1. Trước khi bà M giao trả số tiền trên cho bà H1, bà M cũng hoàn toàn không hỏi ý kiến và được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác của ông C1. Do đó, các nguyên đơn không thừa nhận số nợ trên là nghĩa vụ của ông C1 để lại và không đồng ý khấu trừ số nợ này vào số tiền 1.200.000.000 đồng mà ông C1 để lại và bà M đang quản lý.

[2.2] Xét, ngoài lời khai của chính mình thì bà M và bà H1 không có chứng cứ gì khác để chứng minh việc ông Phạm Hà Bảo C1 có vay bà H1 số tiền 1.150.000.000 đồng khi còn sống. Trong khi đó, bà H1 là cháu gọi bà M là dì ruột nên mặc dù lời khai của bà H1 là phù hợp với lời khai của bà M nhưng lời khai này không đảm bảo tính khách quan của chứng cứ. Bà H1 và bà M khai sau khi bà M trả cho bà H1 đủ số tiền 1.150.000.000 đồng thì bà H1 đã hủy giấy vay tiền mà bà đã lập khi cho ông C1 vay tiền. Hội đồng xét xử xét lời khai này là không hợp lý, bởi lẽ thời điểm bà M trả tiền cho bà H1 thì việc phân chia di sản thừa kế của ông C1 chưa được thực hiện, nên nếu có giấy vay tiền giữa ông C1 và bà H1 thì bà M phải giữ lại bản chính của giấy vay tiền này để làm căn cứ chứng minh về việc ông C1 có vay tiền bà H1 và khấu trừ khi phân chia di sản thừa kế của ông C1 cho cháu T và cháu N.

[2.3] *Đối với chứng cứ mà bà M cung cấp cho Tòa án là Văn bản giao, nhận tiền lập ngày 24-6-2022 tại Văn phòng C3:*

Đây là văn bản giao, nhận tiền được lập tại Văn phòng công chứng, nhưng nội dung văn bản chỉ thể hiện: Bên A (bà M) giao cho bên B (bà H1) số tiền 1.150.000.000 đồng ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Địa điểm, thời gian của việc giao nhận tiền này do hai bên tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm.

Phần cuối văn bản bà H1 có ghi dòng chữ “*Tôi đã đọc kỹ và nhận đủ số tiền nợ ông C1 mượn lúc sống 1.150.000.000 đồng*”.

Như vậy, mặc dù văn bản này được lập tại Văn phòng công chứng nhưng việc giao nhận số tiền 1.150.000.000 đồng hoàn toàn là do bà M và bà H1 tự giao nhận với nhau, không có sự chứng kiến của người nào khác. Do vậy, không có căn cứ để xác định việc bà M giao cho bà H1 số tiền trên là có thật hay không. Mặt khác, trong trường hợp việc giao nhận số tiền trên giữa bà M và bà H1 là có thật thì đây cũng là thỏa thuận riêng giữa hai người này, không có giá trị pháp lý đối với các đồng thừa kế khác của ông C1, vì: Khoản nợ của ông C1 vay bà H1 (nếu có) là một khoản nghĩa vụ do ông C1 để lại. Số tiền 1.200.000.000 đồng mà ông C1 để lại tại Trường THCS P là một trong những di sản của người chết để lại. Vì vậy, kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 19-3-2022), việc phân chia di sản thừa kế của ông C1 và việc thực hiện nghĩa vụ do ông C1 để lại đều phải do những người đồng thừa kế theo pháp luật của ông C1 cùng thống nhất thực hiện, theo quy định tại Điều 614 Bộ luật Dân sự.

Điều 615 Bộ luật Dân sự cũng quy định rõ: “1. *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.* 2. *Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi tài sản do người chết để lại*”.

Trong vụ án này, bà M thừa nhận khi trả số tiền 1.150.000.000 đồng cho bà H1, bà M hoàn toàn không hỏi ý kiến và được sự đồng ý của các đồng thừa kế theo pháp luật khác của ông C1 là cháu T và cháu N (do bà D đại diện theo pháp luật), mà tự bà M thực hiện. Do vậy, đây là việc bà M tự thừa nhận số nợ với bà H1 và tự trả tiền cho bà H1, không liên quan đến các đồng thừa kế khác của ông C1, không phải là việc các đồng thừa kế của ông C1 cùng thỏa thuận và đồng ý trả khoản nợ ông C1 đã vay cho bà H1. Thời điểm bà M trả tiền cho bà H1 thì các đồng thừa kế của ông C1 cũng chưa thỏa thuận phân chia di sản của ông C1 để lại nên bà M cũng chưa biết bà được nhận những tài sản nào trong khối di sản mà ông C1 để lại, nên bà M không được quyền dùng số tiền của ông C1 để lại để trả nợ cho bà H1. Việc bà M cho rằng bà dùng số tiền ông C1 để lại trả cho bà H1 là không phù hợp quy định pháp luật đã nêu ở trên. Số tiền 1.150.000.000 đồng vẫn là di sản thừa kế của ông C1 để lại cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất là bà M, cháu T và cháu N. Vì vậy, việc cháu T, cháu N yêu cầu Tòa án phân chia số tiền trên theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông C1 là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] *Đối với yêu cầu phản tố của bà M:* Trong vụ án này, bà M không có yêu cầu gì với bà H1 về số tiền 1.150.000.000 đồng mà bà đã trả cho bà H1, mà chỉ yêu cầu Tòa án trừ số tiền 1.150.000.000 đồng bà M đã trả nợ cho bà H1 vào số tiền 1.200.000.000 đồng ông H1 để lại, sau đó mới chia thừa kế đối với số tiền còn lại. Như trên đã phân tích, do không có chứng cứ chứng minh việc ông C1 có vay tiền của bà H1 và không có sự thừa nhận, thỏa thuận của cháu T và cháu N (do bà D đại diện) về việc đồng ý trả số tiền 1.150.000.000 đồng cho bà H1, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phản tố nêu trên của bà M. Cấp sơ thẩm

chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M là không phù hợp quy định của pháp luật nên cần sửa phần này của bản án sơ thẩm.

[2.5] *Đối với số tiền 1.150.000.000 đồng bà M đã trả cho bà H1 theo lời khai của hai người này:* Do bà M không có yêu cầu bà H1 trả lại nên Tòa án không xem xét trong vụ án này, nếu giữa bà M và bà H1 phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.6] *Về việc phân chia số tiền 1.200.000.000 đồng:* Hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 gồm 3 người là bà M, cháu T và cháu N nên số tiền trên được chia thành 3 phần, mỗi đồng thừa kế được hưởng 1 phần bằng nhau, theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự. Cụ thể, mỗi người được nhận số tiền: $1.200.000.000 \text{ đồng} : 3 = 400.000.000 \text{ đồng}$. Bà M là người đang quản lý số tiền này nên có nghĩa vụ giao lại cho cháu T, cháu N mỗi người 400.000.000 đồng, do bà D đại diện nhận.

[2.7] *Đối với các phần còn lại của bản án sơ thẩm:* Do các đương sự không kháng cáo nên không xem xét lại. Tuy nhiên, do phát sinh số tiền mà bà M phải trả cho các nguyên đơn nên Hội đồng xét xử khấu trừ qua lại các khoản nghĩa vụ mà các bên phải trả cho nhau để thuận lợi cho việc thi hành án, cụ thể: Thửa đất mà cháu T và cháu N được chia có giá trị 7.550.506.345 đồng, còn 02 thửa đất mà bà M được chia có tổng giá trị là 3.152.864.128 đồng, tổng cộng cả 03 thửa là 10.703.370.473 đồng.

Chia giá trị di sản này cho 3 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 là bà M, cháu T, cháu N, thì mỗi phần được nhận: $10.703.370.473 \text{ đồng} : 3 = 3.567.790.157 \text{ đồng}$. Vì vậy, cháu T và cháu N (do bà D đại diện) phải thanh toán lại cho bà M phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được nhận là: $3.567.790.157 \text{ đồng} - 3.152.864.128 \text{ đồng} = 414.926.029 \text{ đồng}$.

Khấu trừ số tiền trên vào số tiền bà M phải giao lại cho cháu T và cháu N ở mục [2.6], bà M còn phải giao lại cho cháu T và cháu N (do bà D đại diện) số tiền: $800.000.000 \text{ đồng} - 414.926.029 \text{ đồng} = 385.073.971 \text{ đồng}$, trong đó, mỗi cháu được nhận 192.536.986 đồng.

[2.8] Từ những căn cứ và phân tích như trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến việc phân chia số tiền 1.200.000.000 đồng ông C1 để lại như trên, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] *Về chi phí tố tụng:* Các đương sự không kháng cáo phần này nên cần giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà M, cháu T, cháu N được miễn theo các điểm b, đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Kháng cáo được chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 284, điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Nguyễn Vũ Phương D về việc yêu cầu các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T và cháu N với tổng số tiền 1.134.000.000 (một tỷ, một trăm ba mươi bốn triệu) đồng, trong phạm vi di sản ông C1 để lại.

2. Áp dụng khoản 2, Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N và người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Nguyễn Vũ Phương D, sửa một phần bản án sơ thẩm, như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 21, 614, 615, 616, 617, 649, 650, 651, 658, 660, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 107 và khoản 4, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 12, Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

2.1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D đại diện) về việc chia số tiền trợ cấp tử tuất và bảo hiểm xã hội chưa thanh toán của ông Phạm Hà Bảo C1 khoảng 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng.

2.2. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Phạm Hà Bảo C1 là ngày 19-3-2022.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Hà Bảo C1 bao gồm: Bà Hà Thị Kim M, cháu Phạm Vũ Đức T và cháu Phạm Vũ Khánh N.

2.4. Xác định di sản thừa kế của ông Phạm Hà Bảo C1 để lại là:

- Số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng do Trường THCS P bàn giao lại cho bà Hà Thị Kim M theo biên nhận ngày 23-3-2022.

- Quyền sử dụng đất diện tích 917,8m² thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 81, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 980555 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28-3-2012 đứng tên ông Phạm Hà Bảo C1.

- Quyền sử dụng đất diện tích 128m² thuộc thửa 480, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận số CO 798973 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 và quyền sử dụng đất diện tích 301m² thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L (nay là

huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận số CO 798972 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 đứng tên ông Phạm Hà Bảo C1.

2.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T và Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp) về việc buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của ông C1 để lại với số tiền 1.134.000.000 (một tỷ, một trăm ba mươi tư triệu) đồng.

2.6. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T và Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp): Buộc các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Hà Bảo C1 có trách nhiệm liên đới thanh toán 01 tháng tiền cấp dưỡng còn thiếu (tháng 02-2022) với số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng cho cháu Phạm Vũ Đức T và cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp nhận.

Do cháu Phạm Vũ Đức T và cháu Phạm Vũ Khánh N là người thụ hưởng nên không phải thanh toán. Bà Hà Thị Kim M phải thanh toán cho cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp nhận) số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

2.7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Vũ Đức T và Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp) đối với bị đơn bà Hà Thị Kim M về việc “Chia di sản thừa kế”.

2.7.1. Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp được quyền sử dụng diện tích đất 917,8m² thuộc thửa 52, tờ bản đồ số 81, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận số BH 980555 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 28-3-2012 có giá trị 7.550.506.345 (bảy tỷ, năm trăm năm mươi triệu, năm trăm lẻ sáu ngàn, ba trăm bốn mươi lăm) đồng, theo Sơ đồ vị trí kèm theo bản án. Giao quyền sử dụng đất này cho bà Nguyễn Vũ Phương D quản lý cho đến khi cháu Phạm Vũ Đức T, Phạm Vũ Khánh N đủ 18 tuổi.

2.7.2. Bà Hà Thị Kim M được quyền sử dụng diện tích đất 128m² thuộc thửa 480, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận số CO 798973 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018 và được quyền sử dụng diện tích đất 301m² thuộc thửa 423, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện L (nay là huyện L1), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận số CO 798972 do Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B cấp ngày 22-8-2018, có tổng giá trị 3.152.864.128 (ba tỷ, một trăm năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi tám) đồng, theo Sơ đồ vị trí kèm theo bản án.

2.7.3. Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hà Thị Kim M phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được nhận là 414.926.029 (bốn trăm mười bốn triệu, chín trăm hai mươi sáu ngàn, không trăm hai mươi chín) đồng.

2.7.4. Bà Hà Thị Kim M có nghĩa vụ giao trả cho cháu Phạm Vũ Đức T, và cháu Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp) mỗi cháu 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng trong số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng tiền mặt ông Phạm Hà Bảo C1 để lại.

2.7.5. Khấu trừ số tiền chênh lệch giá trị tài sản tại mục **2.7.3** vào số tiền bà M phải giao trả cho cháu T và cháu N ở mục **2.7.4**, bà Hà Thị Kim M còn phải giao trả cho cháu T và cháu N (do bà D là đại diện hợp pháp) số tiền 385.073.971 đồng, trong đó mỗi cháu được nhận số tiền 192.536.986 (một trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm tám mươi sáu) đồng.

2.8. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị Kim M có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận số BH 980555 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 28-3-2012 cho cháu Phạm Vũ Đức T và cháu Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D đại diện hợp pháp nhận) để làm thủ tục đăng ký chỉnh lý quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà M không tự nguyện giao thì bà Nguyễn Vũ Phương D có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành theo quy định của pháp luật.

2.9. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Phương D, buộc các đồng thừa kế của ông Phạm Hà Bảo C1 là cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D là đại diện hợp pháp) và bà Hà Thị Kim M phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 1.400.00.000 (một tỷ, bốn trăm triệu) đồng, trong đó mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 466.666.000 (bốn trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng.

2.10. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hà Thị Kim M về việc trừ số tiền 1.150.000.000 (một tỷ, một trăm năm mươi triệu) đồng mà bà M đã trả cho bà Trương Thị Mỹ H1 vào số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu đồng) của ông C1 để lại theo biên nhận ngày 23-3-2022 tại trường THCS P .

3. Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị Kim M có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền 2.637.000 (hai triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Vũ Phương D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Vũ Phương D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001674 ngày 27-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L(nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Hà Thị Kim M, cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Cháu Phạm Vũ Đức T, cháu Phạm Vũ Khánh N (do bà Nguyễn Vũ Phương D đại diện) không phải chịu.

6. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10-3-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. L, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. L, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. L, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Minh Vỹ